

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ
VI NA TA BA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Triết	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên
Ông Hoàng Đăng Tiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2019)
Ông Thái Hoàng Long	Thành viên (từ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2019)
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên (từ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2019)
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên (từ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2019)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Mai Thủy	Trưởng ban (từ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2019)
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Tòng	Phó Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 03 năm 2019)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ SỞ HỮU

Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của bị âm 30.076.951.840 VND trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, đồng thời doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 97% so với năm trước. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ sở hữu trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ sở hữu sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Số: 19.123/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Mục 2.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm 30.076.951.840 VND trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Ngoài ra, như đã nêu tại Mục 11 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 97% so với năm trước. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Trịnh Thanh Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2016-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.710.570.204	114.518.169.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	20.685.282.321	92.921.962.748
1. Tiền	111		3.114.840.464	6.846.768.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.570.441.857	86.075.194.495
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	51.973.006.036	10.992.964.750
1. Chứng khoán kinh doanh	121		28.237.793.251	10.992.964.750
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(6.226.693.251)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.961.906.036	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.183.431.674	5.417.320.990
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	2.238.491.364	5.025.495.275
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	530.069.730	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.414.870.580	391.825.715
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	1.994.396.659	2.455.610.124
1. Hàng tồn kho	141		1.996.445.933	2.455.610.124
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.049.274)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.874.453.514	2.730.310.543
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.181.358	1.298.668
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		143.260.281	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	2.729.011.875	2.729.011.875
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.362.505.639	19.644.683.009
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000	15.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	15.000.000	15.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.609.325.568	1.975.427.064
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	1.609.325.568	1.975.427.064
Nguyên giá	222		3.485.104.142	3.485.104.142
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.875.778.574)	(1.509.677.078)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.000.000)	(95.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.8	7.551.353.657	7.689.066.965
1. Nguyên giá	231		7.979.619.120	7.979.619.120
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(428.265.463)	(290.552.155)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.877.385.200	4.877.385.200
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	4.877.385.200	4.877.385.200
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	13.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	5.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		309.441.214	87.803.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		309.441.214	87.803.780
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		110.073.075.843	134.162.852.164

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.104.275.191	12.379.112.169
I. Nợ ngắn hạn	310		5.104.275.191	12.279.112.169
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	1.117.458.892	902.550.786
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.636.952	1.600.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	41.088.526	6.061.864.546
4. Phải trả người lao động	314	4.12	409.776.578	692.518.929
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	594.449.289	755.597.879
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	2.354.101.096	2.469.126.336
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	400.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	531.763.858	995.853.693
II. Nợ dài hạn	330		-	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	100.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		104.968.800.652	121.783.739.995
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	104.968.800.652	121.783.739.995
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.16.2	114.000.000.000	114.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.000.000.000	114.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		497.638.934	463.499.004
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		472.910.044	472.910.044
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.001.748.326)	6.847.330.947
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		133.511.852	3.433.337.905
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(10.135.260.178)	3.413.993.042
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		110.073.075.843	134.162.852.164

Phê duyệt

Người lập



Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Vũ Thị Mai Thủy
Phụ trách Phòng Kế toán - Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		15.578.783.185	458.233.072.669
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1.180.995.792	252.584.631
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	14.397.787.393	457.980.488.038
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	14.105.438.520	442.347.177.663
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		292.348.873	15.633.310.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.413.122.688	2.356.942.901
7. Chi phí tài chính	22	5.4	6.244.600.998	2.315.024.223
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		8.778.082	125.368.427
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	2.221.163.878	3.572.483.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	7.121.676.373	8.380.497.562
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.881.969.688)	3.722.248.491
11. Thu nhập khác	31		749.050.439	275.877.727
12. Chi phí khác	32		2.340.929	584.133.176
13. Lợi nhuận khác	40		746.709.510	(308.255.449)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.135.260.178)	3.413.993.042
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(10.135.260.178)	3.413.993.042
16. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	4.16.4	(889)	264

Phê duyệt

Người lập



Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Vũ Thị Mai Thùy
Phụ trách Phòng Kế toán - Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(10.135.260.178)	3.413.993.042
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	503.814.804	418.844.238
Các khoản dự phòng	03		6.228.742.525	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.413.122.688)	(1.774.854.861)
Chi phí lãi vay	06	5.4	8.778.082	125.368.427
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(7.807.047.455)	2.183.350.846
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.866.466.774	17.489.716.152
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		459.164.191	6.232.488.676
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.245.639.643)	(29.924.025.151)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(222.520.124)	69.302.470.148
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(17.244.828.501)	(10.992.964.750)
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.778.082)	(125.368.427)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(7.994.803.828)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(873.769.000)	(970.794.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(30.076.951.840)	45.200.068.866
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(11.258.141.310)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	27.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(39.961.906.036)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.637.284.949	2.171.873.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.324.621.087)	(9.058.994.849)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	3.170.660.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(400.000.000)	(3.720.660.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.435.107.500)	(8.547.582.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.835.107.500)	(9.097.582.500)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(72.236.680.427)	27.043.491.517
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		92.921.962.748	65.878.471.231
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	20.685.282.321	92.921.962.748

Phê duyệt

Người lập

Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Vũ Thị Mai Thùy
Phụ trách Phòng Kế toán - Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020995 ngày 19 tháng 09 năm 2018.

Ngày 26 tháng 04 năm 2017, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 215/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 03 năm 2017 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 22 (31/12/2017: 26 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá; giấy, vật tư ngành in;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá; phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Giả định hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 30.076.951.840 VND. Tuy nhiên, căn cứ theo tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kế hoạch kinh doanh năm 2018 thì lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm là phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty và Ban Giám đốc tin rằng việc Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm như đề cập ở trên sẽ không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Máy móc thiết bị 07 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn 05 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 08 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 03 năm.

3.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 50 năm

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho từng năm.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho từng năm.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, chi phí đi vay và chi phí tài chính khác.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, đồ dùng; chi phí khấu hao; chi phí dịch vụ mua ngoài (cước vận chuyển...); và chi phí bằng tiền khác (chi phí hỗ trợ kinh phí đầu tư và phát triển thị trường, chi phí sản phẩm mẫu,...).

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác (thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiểu ban, chi phí tiếp khách,...).

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	530.422.953	94.708.710
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.584.417.511	6.752.059.543
Các khoản tương đương tiền (*)	17.570.441.857	86.075.194.495
Cộng	<u>20.685.282.321</u>	<u>92.921.962.748</u>

(*) Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng tại các ngân hàng, lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,30%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND		
Đầu tư cổ phiếu:	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần GTNfoods	28.237.793.251	22.011.100.000	(6.226.693.251)	10.992.964.750	12.263.400.000

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được tính theo giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 là 10.300 VND/cổ phiếu.

Đầu tư nắm giữ đến hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
Ngắn hạn:	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu doanh nghiệp (*)	29.961.906.036	29.961.906.036	-	-
Dài hạn				
Trái phiếu doanh nghiệp (**)	10.000.00.000	10.000.000.000	-	-

(*) Đây là khoản đầu tư trái phiếu do Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây phát hành ngày 06 tháng 01 năm 2017 với kỳ hạn 02 năm; lãi suất kỳ hiện tại là 10,73%/năm. Các trái phiếu này được đảm bảo trong phạm vi các tài sản hợp pháp của đơn vị phát hành hoặc bên thứ ba, bao gồm nhưng không hạn chế ở 3.525.000 cổ phần Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương thuộc sở hữu của bên thứ ba do Công ty Cổ phần Chứng khoán IB quản lý.

(**) Đây là khoản đầu tư trái phiếu do Công ty Cổ phần Mua bán nợ Thế Hệ Mới phát hành ngày 22 tháng 06 năm 2018 với kỳ hạn 05 năm, lãi suất áp dụng cho tất cả kỳ tính lãi được cố định là 10%/năm. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 10.000.000 cổ phiếu GTN thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương do Công ty Cổ phần Chứng khoán IB quản lý - Xem thêm mục 7.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Kim Thanh	300.589.065	476.384.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Đức Thiện Thành	152.492.340	391.028.900
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu tổng hợp Thiên Phúc	144.157.288	275.165.000
Các khách hàng khác	1.641.252.671	3.882.917.375
Cộng	<u>2.238.491.364</u>	<u>5.025.495.275</u>

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi nhánh Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	492.969.730	-
Khác	37.100.000	-
Cộng	<u>530.069.730</u>	<u>-</u>

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	-	-	7.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	274.388.674	-	20.181.548	-
Dự thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	2.140.481.906	-	185.069.167	-
Phải thu bên liên quan	-	-	179.575.000	-
Cộng	<u>2.414.870.580</u>	<u>-</u>	<u>391.825.715</u>	<u>-</u>
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	15.000.000	-	15.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	27.803.000	-	35.803.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	127.239.872	-	127.239.300	-
Hàng hóa	1.841.403.061	(2.049.274)	2.292.567.824	-
Cộng	1.996.445.933	(2.049.274)	2.455.610.124	-

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2018	157.000.000	3.142.197.623	185.906.519	3.485.104.142
Tại ngày 31/12/2018	157.000.000	3.142.197.623	185.906.519	3.485.104.142
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2018	7.476.192	1.337.068.199	165.132.687	1.509.677.078
Khấu hao trong năm	22.428.576	327.887.496	15.785.424	366.101.496
Tại ngày 31/12/2018	29.904.768	1.664.955.695	180.918.111	1.875.778.574
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2018	149.523.808	1.805.129.424	20.773.832	1.975.427.064
Tại ngày 31/12/2018	127.095.232	1.477.241.928	4.988.408	1.609.325.568

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.075.119.824 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2018 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà	7.979.619.120	-	-	7.979.619.120
Cộng	7.979.619.120	-	-	7.979.619.120
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	290.552.155	137.713.308	-	428.265.463
Cộng	290.552.155	137.713.308	-	428.265.463
Giá trị còn lại:				
Nhà	7.689.066.965			7.551.353.657
Cộng	7.689.066.965			7.551.353.657

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí mua đất tại Khu 6B, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	4.793.750.000	4.793.750.000
Chi phí thiết kế văn phòng	83.635.200	83.635.200
Cộng	4.877.385.200	4.877.385.200

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - MTV Công ty TNHH	1.068.148.067	1.068.148.067	870.977.943	870.977.943
Phải trả cho các đối tượng khác	49.310.825	49.310.825	31.572.843	31.572.843
Cộng	1.117.458.892	1.117.458.892	902.550.786	902.550.786

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	(5.709.507.916)	-	5.709.507.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.729.011.875	-	-	-	2.729.011.875	-
Thuế thu nhập cá nhân	41.088.526	537.024.816	537.024.816	(848.292.920)	-	352.356.630
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	2.729.011.875	41.088.526	541.024.816	(6.561.800.836)	2.729.011.875	6.061.864.546

4.12. Phải trả người lao động

Là quỹ lương trong năm còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước chi phí mua căn hộ Tây Nguyên Plaza	508.229.119	473.429.119
Trích trước tiền thuê kho, thuê văn phòng	-	200.000.000
Các khoản trích trước khác	86.220.170	82.168.760
Cộng	<u>594.449.289</u>	<u>755.597.879</u>

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.213.005.000	2.378.112.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	141.096.096	91.013.836
Cộng	<u>2.354.101.096</u>	<u>2.469.126.336</u>

4.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu năm	995.853.693	6.233.051
Trích trong năm	409.679.165	1.960.415.442
Chi trong năm	(873.769.000)	(970.794.800)
Số dư cuối năm	<u>531.763.858</u>	<u>995.853.693</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư và phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	VND	
Tại ngày 01/01/2017	114.000.000.000	314.868.226	434.910.044	15.042.384.125	129.792.162.395	
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.413.993.042	3.413.993.042	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	148.630.778	38.000.000	(186.630.778)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.040.415.442)	(1.040.415.442)	
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành và Hội đồng quản trị	-	-	-	(920.000.000)	(920.000.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	(9.462.000.000)	(9.462.000.000)	
Tại ngày 01/01/2018	114.000.000.000	463.499.004	472.910.044	6.847.330.947	121.783.739.995	
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(10.135.260.178)	(10.135.260.178)	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	34.139.930	-	(34.139.930)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(409.679.165)	(409.679.165)	
Chia cổ tức	-	-	-	(6.270.000.000)	(6.270.000.000)	
Tại ngày 31/12/2018	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	(10.001.748.326)	104.968.800.652	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát	17.100.000.000	17.100.000.000
Cổ đông khác	96.900.000.000	96.900.000.000
Cộng	114.000.000.000	114.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0305020995 ngày 19 tháng 09 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 115 tỷ đồng. Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 114 tỷ đồng, đạt 99,13% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Căn cứ theo danh sách chốt ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm lưu ký, Công ty có 478 cổ đông và số vốn thực góp là 114 tỷ đồng.

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.400.000	11.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.16.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	(10.135.260.178)	3.413.993.042
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(409.679.165)
Lãi/(lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(10.135.260.178)	3.004.313.877
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	11.400.000	11.400.000
Lãi/(lỗ) cơ bản và lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	(889)	264

Đến ngày 31/12/2018, Đại hội cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông thì lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu và lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu sẽ giảm đi tương ứng.

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
USD	67,29	67,29

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng	15.303.906.095	392.201.138.840
Doanh thu dịch vụ cho thuê	248.909.090	4.422.858.920
Doanh thu dịch vụ tư vấn	-	140.000.000
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	25.968.000	12.984.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.180.995.792)	(252.584.631)
Cộng	14.397.787.393	396.524.397.129
Doanh thu cho thuê tài sản	-	61.456.090.909
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.397.787.393	457.980.488.038

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn:		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.007.360.666	370.290.806.812
Giá vốn dịch vụ cho thuê	68.856.654	4.169.705.450
Giá vốn dịch vụ tư vấn	-	111.050.000
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	29.221.200	9.740.400
Cộng	14.105.438.520	374.581.302.662
Giá vốn tương ứng với doanh thu cho thuê tài sản	-	67.765.875.001
Tổng cộng	14.105.438.520	442.347.177.663

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	1.817.947.703	2.210.029.390
Lãi đầu tư trái phiếu	2.219.835.730	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	366.797.000	146.500.000
Lãi tài khoản tiền gửi chứng khoán	8.542.255	413.511
Cộng	4.413.122.688	2.356.942.901

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chiết khấu thanh toán	-	1.399.011.620
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.226.693.251	-
Lỗ bán chứng khoán	-	788.935.767
Chi phí lãi vay	8.778.082	125.368.427
Chi phí khác	9.129.665	1.708.409
Cộng	<u>6.244.600.998</u>	<u>2.315.024.223</u>

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	669.497.670	92.226.677
Chi phí vật liệu, đồ dùng	28.682.763	6.050.219
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	25.350.000	31.305.000
Chi phí khấu hao	234.054.540	164.036.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.772.976	1.272.928.156
<i>Cước vận chuyển</i>	146.409.340	1.248.760.999
<i>Chi phí khác</i>	1.363.636	24.167.157
Chi phí bằng tiền khác	1.115.805.929	2.005.936.590
<i>Chi phí hỗ trợ kinh phí đầu tư và phát triển thị trường</i>	421.291.148	716.032.296
<i>Chi phí sản phẩm mẫu</i>	590.212.848	1.086.395.042
<i>Chi phí khác</i>	104.301.933	203.509.252
Cộng	<u>2.221.163.878</u>	<u>3.572.483.000</u>

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.727.627.367	5.045.661.238
Chi phí vật liệu văn phòng	117.395.481	144.608.666
Chi phí đồ dùng văn phòng	107.690.449	124.462.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	200.903.610	117.094.572
Thuế, phí và lệ phí	8.506.000	10.498.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	874.777.872	1.294.367.438
Chi phí bằng tiền khác	1.084.775.594	1.643.805.583
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiểu ban</i>	278.000.000	613.000.000
<i>Chi phí tiếp khách</i>	380.743.359	468.460.427
<i>Chi phí khác</i>	426.032.235	562.345.156
Cộng	<u>7.121.676.373</u>	<u>8.380.497.562</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	227.765.244	150.658.885
Chi phí nhân viên	5.397.125.037	5.137.887.915
Chi phí khấu hao tài sản cố định	503.814.804	418.844.238
Chi phí dự phòng	2.049.274	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.550.533.163	369.017.027.791
Chi phí bằng tiền khác	1.315.827.058	73.311.165.720
Cộng	<u>22.997.114.580</u>	<u>448.035.584.549</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(400.000.000)	(3.720.660.000)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực mua bán thuốc lá điếu;
- Lĩnh vực dịch vụ cho thuê;
- Các lĩnh vực khác.

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018:

	<u>Lĩnh vực mua bán thuốc lá điếu</u>		<u>Lĩnh vực dịch vụ cho thuê</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>ĐVT: Triệu đồng</u>	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	14.123	391.948	249	65.879	26	153	-	-	14.398	457.980
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính, chi phí tài chính và ợi nhuận khác	(9.227)	9.704	180	(6.057)	(3)	32	-	-	(9.050)	3.679
Thu nhập tài chính									4.413	2.357
Chi phí tài chính									(6.245)	(2.315)
Lợi nhuận khác									747	(308)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									-	-
Lợi nhuận sau thuế									(10.135)	3.413

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các thông tin khác:**

	<u>Lĩnh vực mua bán thuốc lá điếu</u>		<u>Lĩnh vực dịch vụ cho thuê</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>ĐVT: Triệu đồng Tổng cộng</u>	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí mua sắm tài sản	-	560	-	-	-	10.698	-	-	-	11.258
Chi phí khấu hao trong năm	366	281	138	138	-	-	-	-	504	419
Tài sản không phân bổ									110.073	134.163
Nợ phải trả không phân bổ									5.104	12.379
									<u>Tại ngày 31/12/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu từ hoạt động bán thuốc lá cho thị trường trong nước, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty Cổ phần Mua bán nợ Thế Hệ Mới | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Đầu tư trái phiếu - Xem thêm mục 4.2:		
Công ty Cổ phần Mua bán nợ Thế Hệ Mới	10.000.000.000	-

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân sự quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Thù lao và thu nhập của nhân sự quản lý chủ chốt	769.005.062	1.127.766.423

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2018</u> VND	<u>Năm 2017</u> VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	36.000.000	44.400.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	<u>Năm 2017</u> VND (Được báo cáo lại)	<u>Năm 2017</u> VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	264	299

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 được báo cáo lại do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 số 07/NQ-VNTB ngày 18 tháng 04 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: 27 Đường số 8, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 07/01/2019, Công ty đã tất toán khoản đầu tư trái phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây theo Hợp đồng tất toán trái phiếu số 20190107/HĐTTTP/VTJ-THT với số tiền nợ gốc là 30 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty đã ký Hợp đồng cho vay số 01/2019/HĐCV/VNTB ngày 07/01/2019 về việc cho Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây vay với thời hạn là 12 tháng, lãi suất 10,575%/năm theo phương thức chuyển tiền nợ gốc từ hợp đồng đầu tư trái phiếu thành khoản nợ vay.

11. THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm này giảm 442,65 tỷ đồng tương đương 97% so với năm trước là do kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2017, Công ty chính thức ngừng phân phối trực tiếp sản phẩm thuốc lá đầu lọc nhãn hiệu SAIGON Silver Demi Slim BC theo Thông báo số 262/TLSG-TTH ngày 30 tháng 03 năm 2017 của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn.



Phê duyệt

Nguyễn Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập

Vũ Thị Mai Thùy
Phụ trách Phòng Kế toán - Tài chính

